TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Thịnh

Ông Dương Công Khoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về vụ xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn K, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Lâm Văn K vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/3/2019, trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu trong một thời gian ngắn. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lâm Văn K không tu chí làm ăn, thường hay chơi bời, vợ chồng bất đồng quan điểm trong

cuộc sống. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 01/9/2019 đến nay, không ai còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn K.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lâm Văn K không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban Công an xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Lâm Văn K, ông Lâm Văn T là bố đẻ của anh Lâm Văn K cư trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Lâm Văn K vẫn cư trú cùng gia đình tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã giao tận tay và thông báo cho anh Lâm Văn K, anh Lâm Văn K có biết việc chị Nguyễn Thị H hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Lâm Văn K không đến Tòa án mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lâm Văn K không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lâm Văn K vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Lâm Văn K vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ ba không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Văn K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/3/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, không có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K thấy rằng: Anh Lâm Văn K không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Văn K vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lâm Văn K.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/05762 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lâm Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc